

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST

Ngày: 20/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Gia Phụng, nghề nghiệp: Giáo viên (đã nghỉ hưu)

2. Ông Nguyễn Phúc Hiếu, Nghề nghiệp: Giáo viên (đã nghỉ hưu)

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp - Thư ký Tòa án nhân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân huyện L, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang L - sinh ngày 17/11/2005 tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu A, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Nguyễn Quốc K - sinh năm 1984; Mẹ đẻ Nguyễn Thị D - sinh năm 1983; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/8/2024, Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện L. (Có mặt)

2. Tống Đức C - sinh ngày 04/5/2005 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ Tống Đức X - sinh năm 1980; mẹ đẻ Hà Thị A - sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ

Công an huyện L. (Có mặt)

3. Đào Trung T - sinh ngày 06/6/2007 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 10 tháng 06 ngày). Nơi sinh: tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu D, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Đào Văn T1 (đã chết); Mẹ đẻ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bắt tạm giam ngày 03/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt)

4. Nguyễn Duy H - sinh ngày 21/11/2007 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 04 tháng 22 ngày). Nơi sinh: tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu E, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1987; mẹ đẻ Đào Thị H1, sinh năm 1986; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: 02.

+ Bản án số 289/HS-ST ngày 14/11/2022, Tòa án nhân dân quận Hà Đông xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Cướp giật tài sản”, Chưa chấp hành xong hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. (Thời điểm phạm tội bị cáo đang trong độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Do đó, trong vụ án này bị cáo được coi là không có án tích, theo quy định tại điều 107 Bộ luật Hình sự).

+ Ngày 05/3/2023, Nguyễn Duy H bị công an thành phố V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Mang theo trong người hoặc tàng trữ, cất giấu các loại công cụ, phương tiện có khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác” bằng hình thức “Cảnh cáo”

- Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03 tháng 8 năm 2024, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh P. (có mặt)

5. Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 26/10/2005 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi thường trú, khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Nơi ở hiện tại: Khu H, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Nguyễn Tiến Đ1, sinh năm 1977; Mẹ đẻ Hà Thu H2, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/8/2024 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện L. (có mặt)

6. Nguyễn Trường G, sinh ngày 21/10/2005 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Khu B, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1981; Mẹ đẻ Trần Thị T4, sinh năm 1984; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: 01 - Bản án số 04/HS-ST ngày 27/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xử phạt 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 44 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Gây rối trật tự công cộng”, G chưa chấp hành xong hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. (Thời điểm phạm tội bị cáo đang trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Do đó, trong vụ án này bị cáo được coi là không có án tích, theo quy định tại điều 107 Bộ luật Hình sự).

- Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03 tháng 8 năm 2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt)

7. Đỗ Minh T5 - sinh ngày 15/9/2005 tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu F, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Đỗ Hồng C1 đã chết, Mẹ đẻ Hoàng Thị Kiều T6, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: 02

- Ngày 11 tháng 05 năm 2024, T5 có hành vi Gây rối trật tự công cộng tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ngày 09 tháng 9 năm 2024, T5 bị Công an thành phố V khởi tố, điều tra về tội Gây rối trật tự công cộng.

- Tháng 7 năm 2024, T5 cùng một số đối tượng có hành vi Trộm cắp tài sản tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ngày 30 tháng 8 năm 2024 T5 bị Công an thành phố V khởi tố, điều tra về tội Trộm cắp tài sản

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05 tháng 8 năm 2024, chuyển tạm giam ngày 07/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện L. (Có mặt)

8. Hoàng Kim Đ2, sinh ngày 22/01/2007 (tính đến ngày phạm tội là 17 tuổi 02 tháng 21 ngày). Nơi sinh: tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ở hiện tại: Khu B, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ Hoàng Kim Đ3, sinh năm 1977; mẹ đẻ Lê Thị T7, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/8/2024, chuyển tạm giam từ ngày 07/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt)

9. Nguyễn Văn H4, sinh ngày 14/9/2007 (tính đến ngày phạm tội là 16 tuổi 06 tháng 29 ngày) tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V - sinh năm 1979 và bà Hoàng Thị H5 - sinh năm 1982; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: 01 - Tháng 7 năm 2024, H4 cùng một số đối tượng có hành vi Trộm cắp tài sản tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Ngày 30 tháng 8 năm 2024 T5 bị Công an thành phố V khởi tố, điều tra về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/8/2024, chuyển tạm giam từ ngày 07/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (Có mặt)

10. Đỗ Hải Đ4, sinh ngày 17/7/2005 tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở hiện tại: Khu A, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ Đỗ Doanh H6, sinh năm 1970; mẹ đẻ Diêu Thị Thu H7, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/8/2024, chuyển tạm giam từ ngày 07/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. (có mặt).

+ *Người giám hộ và đại diện hợp pháp cho bị cáo Đào Trung T*: Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987 (mẹ đẻ bị cáo T)

Địa chỉ: Khu D, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ *Người giám hộ và đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Duy H*: Ông Đào Văn Đ5, sinh năm 1965 (ông ngoại của bị cáo H)

Địa chỉ Khu D, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ *Người giám hộ và đại diện hợp pháp cho bị cáo Hoàng K1 Được*: Bà Lê Thị T7, sinh năm 1980 (mẹ đẻ bị cáo Đ2)

Địa chỉ: Khu B, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ *Người giám hộ và đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn H4*: ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1979 (là bố đẻ của bị cáo H4)

Địa chỉ: Khu A, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo Đào Trung T và bị cáo Nguyễn Văn H4*: Bà Nguyễn Thị S – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt)

+ *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Kim Đ2 và bị cáo Nguyễn Duy H*: Bà Bùi

Thu H8 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P (có mặt)

+ *Bị hại*: Bà Triệu Thị T8, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

+ *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Đào Bích H9, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu C, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

- Ông Lê Văn H10, sinh năm 1985 và bà Đỗ Thị Hà T9, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu H, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

(ông H10, bà T9 đều vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu A, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Bà Điều Thị Thu H7, sinh năm 1978

Địa chỉ: khu A, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Bà Trần Thị T4, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu B, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Bà Hà Thu H2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu H, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Bà Hoàng Thị Kiều T6, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu F, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Bà Vũ Thị H11, sinh năm 1954

Địa chỉ: Khu B, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L nhận được đơn trình báo của bà Triệu Thị T8, sinh năm 1961, ở khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ về việc ngày 12/4/2024, bà T8 phát hiện nhà ở của bà bị kẻ gian cạy phá cửa sổ, đột nhập phá kết sắt trộm cắp 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ, 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 đô la, 01 vòng ngọc màu xanh, 02 sổ tiết kiệm (01 sổ tiết kiệm số tiền 100.000.000đ, 01 sổ tiết kiệm số tiền 200.000.000đ) và số tiền mặt 2.000.000đ gồm 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ. Bà T8 tự nguyện giao nộp 01 chiếc mũ cối ép màu xanh, loại mũ của dân quân tự vệ; 01 con dao mảnh, chuôi gỗ, có tổng chiều dài 40 cm, đã qua sử dụng; 01 thanh kim loại màu xanh dài 50cm, một đầu hình chữ C; 01 bức ảnh chụp lại từ camera an ninh một người nam giới nghi vấn trộm cắp tài sản nhà bà T8 ngày 12/4/2024, có đặc điểm đầu đội mũ cối của dân

quân tự vệ màu xanh, đeo khẩu trang.

Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của bà T8, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành điều tra, xác định hiện trường, tạm giữ 01 chiếc két sắt, nhãn hiệu Việt Pháp sản xuất năm 2014, kích thước 78 x 51 x 37 cm, đã qua sử dụng. Sau khi rà soát đối tượng, cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Quang L sinh năm 2005, ở khu A, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, Tống Đức C, sinh năm 2005, ở khu B, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ, Đào Trung T, sinh năm 2007, ở khu D, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Tiến Đ, sinh năm: 2005, ở khu A xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (hiện ở khu H xã C, thành phố V), Nguyễn Trường G, sinh năm 2005, ở khu B, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Duy H, sinh năm 2007, ở: khu E xã K, thành phố V để làm việc. Nguyễn Quang L tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe Honda Wave, màu trắng và 01 chiếc xà cày (mỏ cày) bằng kim loại dài khoảng 80 cm, một đầu dẹt một đầu uốn cong. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của L, C, H, T, G, Đ thu giữ tại nhà L biển số 19B- 670.63. Ngày 04/8/2024, Đỗ Hải Đ4, sinh năm 2005, ở khu A, xã V, thành phố V đã đến cơ quan điều tra đầu thú; Ngày 05/8/2024, Nguyễn Văn H4, sinh năm 2007, ở Thôn H xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (hiện ở khu A, xã K, thành phố V); Đỗ Minh T5, sinh năm 2005, ở khu F, xã H, thành phố V; Hoàng Kim Đ2, sinh năm 2007, ở khu A, xã H, thành phố V đã đến Cơ quan điều tra đầu thú khai nhận hành vi tham gia cùng Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Duy H, Đào Trung T, Nguyễn Tiến Đ trộm cắp tài sản của gia đình bà Triệu Thị T8 vào ngày 12 tháng 4 năm 2024; Đỗ Hải Đ4 giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, biển số 19E1-371.99.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Do không có tiền tiêu sai cá nhân, ngày 07/4/2024, Nguyễn Quang L gọi điện qua ứng dụng Facebook Messenger cho Nguyễn Trường G bảo G tìm nhà dân vắng, ít khi có người ở nhà để L rủ thêm người trộm kiếm ít tiền tiêu”. Nguyễn Trường G trả lời “ có nhà bà này ở gần nhà văn hóa khu A, xã T thấy hay đóng cửa ban ngày và chỉ có một bà già ở nhà”. Sau đó, G điều khiển xe mô tô Honda Vario của G đến đón L tại nhà L ở khu A xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đi đến chỉ nhà bà Triệu Thị T8 ở khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. L hẹn G để hôm nào L rủ được thêm người thì sẽ gọi G cùng trộm cắp tài sản nhà bà T8, G đồng ý. Đến sáng ngày 12/4/2024, Nguyễn Quang L từ nhà ở khu A, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, điều khiển xe mô tô Wave, màu trắng, (đã tháo biển số 19B1-670.63) cài sẵn dọc ống xả xe 01 chiếc xà cày dài khoảng 80cm) đi đến nhà Tống Đức C ở khu B, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ đến đón C đi chơi. Sau khi đón được C, L tiếp tục gọi điện thoại rủ Đào Trung T, Hoàng Kim Đ2, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Minh T5

đến tập trung ở sân bóng đá thuộc xã H, thành phố V để đi chơi. T5 gọi rủ thêm Nguyễn Văn H4. Đ4 gọi rủ thêm Nguyễn Duy H. Tất cả 09 người cùng đến tập trung tại sân bóng đá cũ thuộc xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để tụ tập đi chơi. Tại đây, L rủ C, T, H, Đ, Đ4, T5, Đ2, H4 cùng đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tất cả đều đồng ý.

L có gọi điện cho G qua meseger để rủ G cùng đi nhưng G trả lời đang ở đám tang của bà chưa về được, mọi người cứ thực hiện.

Sau đó, L điều khiển xe mô tô của L chở C ngồi sau đi đến Chùa A1 thuộc khu B, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ do bà Đào Bích H9, sinh năm 1969, ở khu C xã H, thành phố V trông coi. L hỏi mượn bà H9 01 chiếc xà beng của bà H9 để L đào đất. Bà H9 đồng ý và cho L luôn chiếc xà beng. Sau khi lấy xà beng, L điều khiển xe chở C quay lại chỗ sân bóng gặp Đ, Đ4, H, T5, H4, T, Được. Lúc này, L nói với C, T, H, Đ, Đ4, T5, Đ2, H4 là đã có công cụ dùng để đột nhập vào nhà dân trộm cắp tài sản, L sẽ là người dẫn đường đến nhà dân để trộm cắp tài sản. L và C đột nhập, sử dụng xà beng, xà cày để phá cửa vào trộm cắp tài sản, những người còn lại chia nhau đứng bên ngoài, đi lại xung quanh bằng xe mô tô để cảnh giới, nếu có người đi vào ngôi nhà nơi L và C đang trộm cắp tài sản thì ra ám hiệu bằng cách bóp còi xe mô tô liên tục để thông báo cho L và C biết, tẩu thoát. Tất cả đều đồng ý theo sự sắp đặt của L. Sau đó, L đưa cho C 01 chiếc mũ cối màu xanh để đội rồi điều khiển xe mô tô Honda Wave của L chở C cầm 01 xà beng, 01 xà cày; Đ4 điều khiển xe Honda Winner X, biển số 19E1-371.99 chở H; Đ đi một mình xe mô tô Exciter; T5 điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu tím than, biển số 19A-072.62 chở H4; T điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu tím than, biển số 19A-080.84 chở Được. L đi đầu tiên dẫn mọi người đi về phía bà Triệu Thị T8. Khi cách nhà bà T8 khoảng 300-400m thì L bảo C xuống xe đứng đợi, L một mình đi tiếp xem nhà bà T8 có ai ở nhà không. Quan sát thấy nhà bà T8 đang đóng cổng và đóng cửa, L quay lại đón C chỉ dẫn cho C nhà bà Triệu Thị T8 và nói: "Nhà dân này không có ai ở nhà, tí trộm cắp nhà này". C nhìn theo và nhớ ngôi nhà của bà T8. L điều khiển xe mô tô chở C quay lại đường từ xã T cách ngõ rẽ vào nhà bà T8 khoảng 200m thì dừng xe, L cầm xà cày và bảo C cầm xà beng xuống xe đi bộ một mình qua cánh đồng đối diện ngõ rẽ vào nhà bà T8, rồi mới đi sang đường đi bộ vào ngõ nhà bà T8 để tránh sự phát hiện của người dân ở đây. C bật khẩu trang, đội mũ cối màu xanh và đi theo đường L nói. L điều khiển xe mô tô của L đi một mình gặp những người còn lại trong nhóm thông báo khu vực, vị trí ngôi nhà bà T8 là nhà L và C sẽ đột nhập trộm cắp tài sản. L bảo mọi người tiếp tục đi lượn, đứng xung quanh đầu ngõ và khu vực trước nhà bà T8 để cảnh giới, kịp thời báo hiệu cho L và C biết để tẩu thoát. Sau đó, L đi xe mô tô đến bên ngoài tường bao trước nhà bà T8, rồi dựng xe mô tô, đứng chờ C. Khoảng

05 phút sau C đến, L cầm theo xà cây, C cầm theo 01 xà beng, cả hai đi vòng ra phía sau nhà bà T8 rồi trèo qua tường rào để vào nhà. Khi trèo qua tường, C làm rơi chiếc mũ cối ở vị trí bên ngoài tường rào nhà bà T8. Khi vào được bên trong nhà bà T8, L và C đi vòng quanh nhà bà T8 để quan sát, thấy cửa ra vào, cửa cổng đều khóa, không có ai ở trong nhà. L lấy 01 con dao mạnh để ở cột góc sân nhà bà T8 và cầm theo mục đích để phòng thân. L cầm xà cây luôn đầu cong dẹt vào khe dọc giữa 02 cánh cửa sổ bằng gỗ và cạy 2-3 lần thì bung cửa sổ ra, để lộ song cửa bằng kim loại sơn màu xanh. L và C cùng cầm xà cây phần đầu có khe nhỏ dính kẹp vào song cửa rồi bẻ gãy 01 mối hàn dưới cửa 01 song sắt. Khi cả hai vào được nhà, L bảo C lật kết sắt ra để đục kết sắt lấy tài sản. C lấy chấu trên giường ra trải ra giữa phòng ngủ, L cầm xà cây, C cầm xà beng cùng dùng đầu dẹt đục xuống phần khe của cửa kết sắt. Khi mở được kết sắt, L luôn tay mở được cửa ngăn nhỏ và lấy ra được 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, 01 tờ tiền đô la Mỹ trị giá 100 đô la, 01 nhẫn tròn trơn bằng vàng, 01 vòng ngọc màu xanh có bọc họa tiết bằng vàng. L đút tiền mặt, tiền đô la, nhẫn vàng, vòng ngọc vào túi quần L đang mặc. L tiếp tục thò tay vào trong kết và tìm tài sản thì thấy ở ngăn dưới cùng của kết có nhiều giấy tờ nên L cầm và lôi hết ra khỏi kết, kiểm tra có 02 quyển sổ tiết kiệm. L đút 02 quyển sổ tiết kiệm vào trong người. Sau khi lấy được các đồ vật tài sản trên thì L cầm xà cây cùng C cầm xà beng chui ra ngoài theo đường cửa sổ vừa chui vào. Khi ra được phía bên ngoài, L nhặt thanh kim loại song cửa sổ sơn màu xanh vừa bẻ gãy cài lên nhánh cây cạnh tường nhà để che giấu. Khi ra ngoài, L bảo C tiếp tục mang theo xà beng đi bộ theo đường qua nhà bà T8 vào sâu trong ngõ, còn L lấy xe mô tô đi vòng đường khác để đón C, đồng thời những người còn lại vẫn đi lại bằng xe mô tô ở trên đường để cảnh giới. Khi L đón được C thì tất cả nhóm cùng đi về sân bóng đá gần nhà L. Trên đường đi gần về đến nơi, L lấy số tiền mặt 2.000.000đ ra chia cho C riêng 1.000.000đ, L hưởng riêng 1.000.000đ. Khi về đến sân bóng, L lấy số tài sản còn lại vừa trộm cắp được cho cả nhóm xem gồm: 01 nhẫn vàng tròn trơn, 01 tờ tiền đô la Mỹ trị giá 100 đô la, 01 vòng tay bằng ngọc, 02 sổ tiết kiệm (01 sổ tiết kiệm số tiền 100.000.000đ, 01 sổ tiết kiệm số tiền 200.000.000đ). Sau đó, L đưa vòng ngọc màu xanh đưa cho Đ giữ để bán lấy tiền chia nhau; 01 nhẫn vàng và tờ tiền 100 đô la Mỹ, L chờ khi nào gặp G sẽ đưa cho G đi bán. Còn 02 quyển sổ tiết kiệm L cầm để tìm cách rút tiền. Lúc này mọi người rủ nhau ra quán nước ở rặng cây si gần cổng chính đền H12 để ngồi chơi và uống nước.

Khoảng 14h ngày 14/4/2024, L gọi cho Đ bảo rủ G đến nhà L chơi, mục đích của L muốn gặp G để đưa tài sản trộm cắp nhà bà T8 cho G đi bán để lấy tiền chia nhau. Khoảng 30 phút sau, G và Đ đi xe mô tô Vario của G đến nhà L, L kể lại cho G nghe sự việc đã cùng các bị cáo khác trộm cắp tài sản nhà bà Triệu Thị T8 rồi L

đưa cho G 01 chiếc nhẫn vàng 02 chỉ loại 9999 và 01 tờ tiền đô la mỹ 100 đô la, bảo G đi bán rồi về quán nước ở rặng cây si đèn H12 gặp nhau. G đồng ý rồi cùng Đ đi đến cửa hàng V2, ở phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Đến nơi, Đ ngồi trên xe mô tô đỗ bên ngoài cửa hàng chờ, G đi vào bên trong gặp anh Lê Văn H10, sinh năm 1985, ở khu H, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là chủ cửa hàng. G đưa nhẫn vàng và tờ tiền 100 đô la Mỹ cho anh H10 và nói đây là tài sản của G muốn bán. Anh H10 xem chiếc nhẫn vàng xác định là vàng 9999 có trọng lượng 02 chỉ nên trả giá mua nhẫn vàng của G là 15.500.000đ, còn tờ tiền 100 đô la anh H10 bảo G đổi sang tiền Việt Nam với giá 2.500.000đ cho anh H10 để anh H10 sưu tầm cá nhân vì anh H10 không kinh doanh ngoại tệ. G đồng ý. Sau đó, anh H10 lấy số tiền 18.000.000đ đưa cho G. G liền cất riêng 4.000.000đ vào túi G, rồi đi ra ngoài lên xe cùng Đ ra về. Khi về đến quán nước ở rặng cây si Đèn H12, L đã gọi những người khác cùng trộm cắp tài sản ngày 12/4/2024 đến đó. G nói với L số tiền vừa bán 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ và tờ tiền 100 đô la Mỹ được tổng là 14.000.000đ rồi đưa số tiền này cho L. L cầm tiền rồi tự lấy ra 2.000.000đ cất cho mình. Số tiền còn lại, L chia cho C 2.000.000đ, chia cho G 2.000.000đ, chia cho Đ 1.500.000đ, chia cho H 1.000.000đ, chia cho T 1.000.000đ, chia cho Đăng 1.000.000đ, chia cho Được 1.000.000đ, chia cho H4 1.000.000đ, chia cho T5 1.500.000đ. Sau đó, L bảo Đ tìm cách bán chiếc vòng ngọc lấy tiền chia nhau tiếp. Đ nói vòng ngọc khó bán nên chưa bán được. Trước khi giải tán, tất cả nhóm của L cùng thề với nhau là nếu bị bắt thì không ai được khai ra bất kỳ người khác, nếu ai khai ra thì khi ra tù sẽ bị những người còn lại trả thù.

Khoảng vài ngày sau, Đ một mình mang chiếc vòng ngọc đi đến cửa hàng V2, ở phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để bán. Khi vào cửa hàng, Đ gặp chị Đỗ Thị Hà T9, sinh năm 1982 ở khu H, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ là vợ của anh Lê Văn H10 chủ cửa hàng. Đ đưa chị T9 chiếc vòng ngọc và nói đây là của bà Đ nhờ Đ đi bán hộ. Chị T9 xem chiếc vòng ngọc thấy chiếc vòng hình tròn bằng ngọc màu xanh, có đường kính khoảng 7cm, được bọc bên ngoài hoa văn bằng vàng 10k (vàng tây) có tổng trọng lượng vàng khoảng 0,5 chỉ. Chị T9 trả giá mua chiếc vòng này với giá 2.500.000đ. Đ đồng ý và cầm số tiền 2.500.000đ ra về. Việc bán vòng ngọc Đ không nói với ai và một mình tiêu xài hết số tiền trên.

Sau khi cầm 02 quyển sổ tiết kiệm trộm cắp được về nhà, L không tìm được cách rút tiền từ 02 quyển sổ tiết kiệm này nên L và T5, H4 mang 02 quyển sổ tiết kiệm này ra sân bóng ở gần nhà L rồi đốt 02 quyển sổ tiết kiệm này ở cột gôn của sân bóng để tránh bị phát hiện. Chiếc xà beng L mang đến một cửa hàng thu mua phế liệu ở huyện L bán, đến nay, L không nhớ được đường đi, địa chỉ nơi bán.

Quá trình điều tra bổ sung, anh Trần Kiên G1, sinh năm 1986 ở khu A, xã T, huyện L cung cấp 02 đoạn video clip do anh G1 dùng điện thoại quay từ Camera của gia đình anh G1 lắp đặt đầu ngõ có hình ảnh một nam thanh niên đội mũ cối màu xanh, bịt khẩu trang được lưu giữ và 01 đĩa DVD.

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị D ở khu A, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (mẹ của L) tự nguyện giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 19B1- 670.63 mang tên Lê Thu C2 ở khu H, xã C, thành phố V; Chị Điều Thị Thu H7 ở khu A, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (mẹ của Đ4) tự nguyện giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, biển số 19E- 371.99 mang tên Phạm Ngọc S1 sinh năm 1999 ở khu F, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Anh Lê Văn H10 tự nguyện giao nộp 01 tờ tiền đô la Mỹ có mệnh giá 100 USD có số seri HD 51695783B đổi của G1.

Đại diện các gia đình Nguyễn Quang L nộp số tiền 4.000.000đ, Nguyễn Trường G nộp số tiền: 6.000.000đ, Đỗ Minh T5 nộp số tiền 1.500.000đ, Hoàng Kim Đ2 nộp số tiền 1.000.000đ, Nguyễn Văn H4 nộp số tiền 1.000.000đ, Đỗ Hải Đ4 nộp số tiền 1.000.000đ, Nguyễn Tiến Đ nộp số tiền 4.000.000đ, Đào Trung T nộp số tiền 1.000.000đ, Tống Đức C nộp số tiền 3.000.000đ, Nguyễn Duy H nộp số tiền 1.000.000đ là tiền các bị cáo hưởng lợi sau khi bán bán các tài sản trộm cắp được.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân huyện L định giá đối với 01 nhẫn vàng 9999, loại nhẫn trơn, trọng lượng 02 chỉ, 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 đô. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 43/KL- HĐĐGTS ngày 02/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện L kết luận:

- 01 nhẫn vàng 9999, loại nhẫn trơn, trọng lượng 02 chỉ, có trị giá 15.300.000đ.
- 01 tờ tiền đô la Mỹ trị giá 100 đô, có trị giá 2.481.000đ.

Tổng trị giá thiệt hại: 17.781.000đ (Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi một nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân huyện L định giá đối với 01 chiếc vòng ngọc màu xanh, hình tròn có đường kính khoảng 07 cm, có bọc hoa văn bằng vàng 10K(vàng tây), phần vàng có trọng lượng khoảng vàng 0,5 chỉ, vòng ngọc đã qua sử dụng. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 50/KL- HĐĐGTS ngày 29/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện L kết luận:

Căn cứ khoản c, Điểm 1, Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ- CP ngày 07/3/2018 Chính phủ quy định” Hội đồng định giá tài sản có quyền từ chối thực hiện định giá trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành định giá, không đủ điều kiện cần thiết để tiến hành định giá; các tài liệu cung cấp không đầy đủ hoặc không

có giá trị để định giá, nội dung yêu cầu định giá vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Hà T9 xác định chiếc vòng ngọc trị giá 2.500.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại: 22.281.000đ (Hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo trình bày thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên, không có lời bào chữa nào khác.

- Bà Nguyễn Thị T2 là người giám hộ và người đại diện cho bị cáo Đào Trung T và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị cáo Đào Trung T là con trai bà. Ngày 12/4/2024 Đào Trung T và một số bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nay Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì bà hoàn toàn nhất trí về tội danh Viện kiểm sát truy tố, không có ý kiến gì về việc lấy lời khai và xét hỏi đối với Đào Trung T. Bà đã nộp số tiền 1.000.000đ để bồi thường cho người bị hại thay bị cáo T, bà không yêu cầu T phải trả lại bà số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ông Đào Văn Đ5 là người giám hộ và người đại diện cho bị cáo Nguyễn Duy H trình bày:

Bị cáo Nguyễn Duy H là cháu ngoại ông, bố mẹ cháu đi làm ăn xa nên ông là đại diện và giám hộ cho bị cáo H. Ngày 12/4/2024 bị cáo H và một số bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Nay Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì ông hoàn toàn nhất trí về tội danh Viện kiểm sát truy tố, không có ý kiến gì về việc lấy lời khai và xét hỏi đối với bị cáo. Ông đã nộp số tiền 1.000.000đ thay cho H để bồi thường cho bị hại. Ông không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà ông đã nộp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bà Lê Thị T7 là người giám hộ và đại diện cho bị cáo Hoàng Kim Đ2 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị cáo Hoàng Kim Đ2 là con trai ông bà. Tại phiên tòa viện kiểm sát truy tố đối với Hoàng Kim Đ2 về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bà nhất trí không có ý kiến gì. Bà T7 đã nộp thay cho bị cáo Đ2 số tiền 1.000.000đ để bồi thường cho bị hại và bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ông Nguyễn Văn V là người giám hộ và đại diện cho bị cáo Nguyễn Văn H4 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị cáo Nguyễn Văn H4 là con trai ông. Tại phiên tòa viện kiểm sát truy tố đối với Nguyễn Văn H4 về hành vi “Trộm cắp tài sản”, ông nhất trí không có ý kiến gì. Ông V nộp thay cho bị cáo H4 số tiền 1.000.000đ để bồi thường thiệt hại cho bị hại và không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bà Hà Thu H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị cáo Nguyễn Tiến Đ là con trai bà. Bà đã nộp số tiền 4.000.000đ để bồi thường cho bị hại thay bị cáo Đ, bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bà Hoàng Thị Kiều T6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị cáo Đỗ Minh T5 là con trai bà. Bà đã nộp số tiền 1.500.000đ để bồi thường cho bị hại thay bị cáo T5, bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bà Vũ Thị H11 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị cáo Tống Đức C là cháu ngoại bà. Bà đã nộp thay cho C số tiền 3.000.000đ để bồi thường cho bị hại. Bà không yêu cầu bị cáo phải thanh toán lại cho bà số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bà Diêu Thị Thu H7 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị cáo Đỗ Hải Đ4 là con trai bà. Bà đã nộp thay cho bị cáo Đ4 số tiền 1.000.000đ để bồi thường cho bị hại. Bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bị cáo Nguyễn Quang L là con trai bà. Gia đình bà đã nộp thay cho L số tiền 4.000.000đ để bồi thường cho bị hại. Bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền trên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 61/CT-VKSLT ngày 30/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Nguyễn Quang Linh, Tống Đức C, Nguyễn Duy H, Đào Trung T, Nguyễn Trường G, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Đỗ Minh T5, Hoàng Kim Đ2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Duy H, Đào Trung T, Nguyễn Trường G, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Đỗ Minh T5, Hoàng Kim Đ2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm i, b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang L.

Xử phạt Nguyễn Quang L từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/8/2024.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trường G.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường G từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với 22 (hai mươi hai) tháng tù cho hưởng án treo của của bản án hình sự sơ thẩm số 04/HS-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao. Buộc bị cáo Nguyễn Trường G phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 28 tháng đến 31 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/8/2024.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Minh T5

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T5 từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 05/8/2024.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H từ 05 tháng đến 07 tháng tù. Tổng hợp với 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo của bản án hình sự sơ thẩm số 289/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông. Buộc bị cáo Nguyễn Duy H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 35 tháng đến 37 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/8/2024.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H4.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 04 tháng 15 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 05/8/2024. Xác nhận ngày 20/12/2024 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 36, điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tống Đức C.

Xử phạt bị cáo Tống Đức C từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam là 140 ngày tạm giam (từ ngày 03/8/2024 đến 20/12/2024) quy đổi thành 420 ngày cải tạo không giam giữ (= 14 tháng cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành từ 01 tháng đến 04 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 36, điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến Đ và bị cáo Đỗ Hải Đ4

Xử phạt Đỗ Hải Đ4 từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam là 139 ngày (từ ngày 04/8/2024 đến ngày 20/12/2024), quy đổi thành 417 ngày cải tạo không giam giữ (= 13 tháng 27 ngày cải tạo không

giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 01 tháng 03 ngày đến 04 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt Nguyễn Tiến Đ từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam là 140 ngày (từ ngày 03/8/2024 đến ngày 20/12/2024), quy đổi thành 420 ngày cải tạo không giam giữ (tương đương 14 tháng cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 01 tháng đến 04 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Tổng Đức C, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4. Các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ lao động tại cộng đồng theo quy định của pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ của người phải thi hành án cải tạo không giam giữ theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Kim Đ2 và bị cáo Đào Trung T.

Xử phạt bị cáo Hoàng Kim Đ2 13 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 138 ngày (kể từ ngày 05/8/2024 đến ngày 20/12/2024) quy đổi thành 414 ngày cải tạo không giam giữ (= 13 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ). Xác nhận ngày 20/12/2024 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Xử phạt bị cáo Đào Trung T 14 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giam là 140 ngày (từ 03/8/2024 đến ngày 20/12/2024) quy đổi thành 420 ngày cải tạo không giam giữ (= 14 tháng cải tạo không giam giữ). Xác nhận ngày 20/12/2024, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Đề nghị áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; trả tự do cho các bị cáo Tổng Đức C, Nguyễn Văn H4, Đào Trung T, Hoàng Kim Đ2, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4 nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự.

- 01 chiếc mũ cối ép màu xanh, loại mũ của dân quân tự vệ, mặt trong có viết chữ “TV” bằng mực bút xóa màu trắng; 01 con dao mảnh, chuôi gỗ, có tổng chiều dài 40 cm, đã qua sử dụng; 01 thanh kim loại sơn màu xanh dài 50cm, một đầu hình chữ C; 01 chiếc kết sắt, nhãn hiệu Việt Pháp sản xuất năm 2014, kích thước 78 x 51 x 37 cm, phần cánh cửa bị cạy phá cong vênh. Kết sắt đã hư hỏng; 01 chiếc xà cày bằng kim loại dài khoảng 80 cm, một đầu dẹt một đầu uốn con. Các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- 01 tờ tiền đô la Mỹ có mệnh giá 100 USD có số seri HD 51695783B là tài sản hợp pháp của bà T8. Ngày 01/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho bà T8, đề nghị HĐXX xác nhận.

- Đề nghị HĐXX trả lại 01 chiếc xe Honda Wave, màu trắng, biển số 19B1 – 670.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho chị Nguyễn Thị D; trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, biển số 19E1-371.99 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho chị Điều Thị Thu H7.

- Đối với số tiền ngân hàng N đang lưu hành: 23.500.000 đồng các bị cáo cùng gia đình tự nguyện nộp để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Đề nghị trả cho bà Triệu Thị T8.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Trung T và bị cáo Nguyễn Văn H4: Bà Nguyễn Thị S – trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P trình bày quan điểm bào chữa cho hai bị cáo:*

Về tội danh, điều luật áp dụng: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát đã đề nghị tại bản luận tội.

Về hình phạt: Đối với bị cáo T:

Bị cáo là người chưa thành niên, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt

Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, đề nghị trả tự do ngay tại phiên tòa đối với bị cáo T.

Đối với bị cáo H4: Bị cáo là người chưa thành niên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất; đề nghị HĐXX xem xét trả tự do ngay tại phiên tòa đối với bị cáo H4.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Kim Đ2 và bị cáo Nguyễn Duy H: Bà Bùi Thu H8 – trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P trình bày quan điểm bào chữa đối với hai bị cáo:*

Về tội danh, điều luật áp dụng: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát đã đề nghị tại bản luận tội.

Về hình phạt: Đối với bị cáo Đ2:

Bị cáo là người chưa thành niên, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt

Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, đề nghị trả tự do ngay tại phiên tòa đối với bị cáo Đ2.

Đối với bị cáo H: Bị cáo là người chưa thành niên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo H có hoàn cảnh khó khăn khi bố mẹ bị cáo hiện nay đều đi lao động ở xa, tại thời điểm này bị cáo là người chưa thành niên nhưng không được gần gũi bố mẹ chăm sóc, quản lý và dạy dỗ. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Đã thực hiện đúng thẩm quyền; đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều nhất trí và không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Duy H, Đào Trung T, Nguyễn Trường G, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Đỗ Minh T5 và Hoàng Kim Đ2 thừa nhận hành vi phạm tội như sau:

Ngày 07/4/2024, Nguyễn Quang L và Nguyễn Trường G đã cùng nhau đi tìm nhà dân để L rủ thêm người trộm cắp tài sản. G đã tìm và dẫn L đến nhà bà Triệu Thị T8 ở khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ và xác định với nhau nhà bà T8 có ít người nên khi nào rủ được người sẽ trộm cắp nhà bà T8.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/4/2024, tại nhà bà Triệu Thị T8 ở khu A xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, các bị cáo Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Duy H, Đào Trung T, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Đỗ Minh T5, Hoàng Kim Đ2 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản gồm số tiền 2.000.000 đồng; 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 02 chỉ có trị giá 15.300.000 đồng; 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 100 đô, có trị giá 2.481.000 đồng; 01 vòng ngọc màu xanh, bên ngoài có bọc họa tiết bằng vàng 10k (vàng tây) trọng lượng khoảng 0,5 chỉ, trị giá 2.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp được là: **22.281.000 đồng**. Tại thời điểm ngày 12/4/2024, Nguyễn Quang L có gọi điện cho Nguyễn Trường G để cùng

đi trộm cắp nhưng do thời điểm đó G đang có việc bận không trực tiếp tham gia được).

Sau đó L đã đưa cho Đ 01 vòng ngọc màu xanh để đem đi bán tại cửa hàng V2 ở phường N, thành phố V với giá 2.500.000đ. Ngày 14/4/2024, Nguyễn Quang L đã nói với Nguyễn Trường G đã trộm cắp được các tài sản nhà bà T8 ngày 12/4/2024 và đưa cho G 01 nhẫn vàng 9999 với trọng lượng 02 chỉ, 01 tờ tiền đô la M mệnh giá 100 đô la để đem đi bán tại cửa hàng V2 ở phường N, thành phố V với giá 18.000.000đ. Các bị cáo đã chia nhau sử dụng hết số tiền bán được tài sản trộm cắp.

Do tại phiên tòa ngày 23/10/2024 phát sinh tình tiết mới, lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ do người tham gia tố tụng khác xuất trình có mâu thuẫn cần xác minh điều tra bổ sung không thể thực hiện tại phiên tòa được nên HĐXX đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, làm rõ.

Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, hiện trường vụ án; lời khai của những người tham gia tố tụng trong vụ án và vật chứng của vụ án. Khi các bị cáo thực hiện hành vi là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Duy H, Đào Trung T, Nguyễn Trường G, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Đỗ Minh T5, Hoàng Kim Đ2 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[2.2]. *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo:*

+ Tính chất vụ án: Xét thấy tính chất vụ án các bị cáo thực hiện hành vi thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đã cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong nhân dân, làm mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần đưa vụ án ra xét xử kịp thời và có hình phạt mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

+ Vai trò đồng phạm: Vụ án có tính chất đồng phạm, có sự trao đổi bàn bạc và chuẩn bị công cụ thực hiện phạm tội. Bị cáo Nguyễn Quang L là người chủ mưu cầm đầu, là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác phạm tội trong có các bị cáo là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi). Bị cáo L cùng với bị cáo G là người đi thăm dò, tìm kiếm nhà bà T8 để thực hiện việc trộm cắp và cùng bị cáo Tống Đức C tích cực trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản. Các bị cáo Nguyễn Duy H, Đào Trung T, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Đỗ Minh T5, Hoàng Kim Đ2 là người cảnh giới giúp sức cho bị cáo L, C thực hiện tội phạm. Sau khi lấy được tài sản, bị cáo G là người trực tiếp đi bán tài sản để quy đổi ra tiền về chia nhau. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phải xem xét cho bị cáo Nguyễn Quang L mức hình phạt

ng nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác do bị cáo L là người giữ vai trò chính trong vụ án này.

[2.3]. Nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với từng bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Quang L: Bị cáo L là người giữ vai trò chính trong vụ việc. Bị cáo đã lôi kéo, rủ rê các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội trong đó có các bị cáo Hoàng Kim Đ2, Nguyễn Văn H4, Đào Trung T, Nguyễn Duy H là người dưới 18 tuổi, vì vậy bị cáo L phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm 0 khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”. Về tình tiết giảm nhẹ: ngoài các tình tiết giảm nhẹ trên, bị cáo có nhân thân tốt, thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ông nội của bị cáo được chủ tịch N1 tặng huân chương chống Mỹ cứu nước hạng ba. Vì vậy bị cáo L còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nhận thấy, bị cáo L là người chủ mưu cầm đầu, tích cực lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Trường G: Trong vụ án bị cáo là người có vai trò giúp sức. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Năm 2023 bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xử phạt 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt. Do thời điểm phạm tội của bản án số 04 ngày 27/10/2023, bị cáo G chưa thành niên phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên trong vụ án này bị cáo được coi là không có án tích. Tuy nhiên, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, tiếp tục phạm tội mới trong thời gian thử thách. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tù như đề nghị đại diện viện kiểm sát là phù hợp. Chuyển 22 tháng phạt tù cho hưởng án treo thành 22 tháng tù giam và tổng hợp hình phạt của bản án mới đối với bị cáo G.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Duy H: Trong vụ án bị cáo được phân công cảnh giới, có vai trò giúp sức cho bị cáo L, C thực hiện trộm cắp tài sản. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nhân thân xấu, bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt, nay lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 05/3/2024 bị cáo H bị Công an thành phố V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi

“Mang theo trong người hoặc tàng trữ, cất giấu các loại công cụ, phương tiện có khả năng sát thương nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác”. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, vì vậy bản án số 289/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông không bị coi là tiền án đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong thời gian thử thách, bị cáo không học tập rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo bất chấp coi thường pháp luật. Vì vậy cần cách áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Hình phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo của bản án trên được chuyển thành hình phạt tù giam và tổng hợp hình phạt của bản án mới, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

+ **Đối với bị cáo Đỗ Minh T5:** Bị cáo có vai trò giúp sức, cảnh giới cho bị cáo L và C thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, hiện nay đang bị Công an thành phố V khởi tố, điều tra về tội gây rối trật tự công cộng và tội trộm cắp tài sản. Sau khi vụ việc bị phát hiện, bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú, vì vậy bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

+ **Đối với bị cáo Nguyễn Văn H4:** Bị cáo H4 có vai trò giúp sức, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 30/8/2024, bị cáo H4 bị Công an thành phố V khởi tố, điều tra về hành vi trộm cắp tài sản. Điều đó chứng tỏ bị cáo sống buông thả, coi thường pháp luật. Tuy nhiên, khi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên, bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo đã thành niên khác như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

+ **Đối với bị cáo Tống Đức C:** Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có ông ngoại được Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3. Do vậy, ngoài các tình tiết giảm nhẹ trên, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Căn cứ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

+ **Đối với bị cáo Nguyễn Tiến Đ:** Bị cáo có vai trò giúp sức cho bị cáo L, C thực hiện trộm cắp tài sản. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự nào. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ được phân tích trên, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có ông ngoại được nhà nước tặng thưởng huân chương vì có công với các mạng, vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét cho áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

+ **Đối với bị cáo Đỗ Hải Đ4:** bị cáo có vai trò giúp sức cho bị cáo L, C thực hiện trộm cắp tài sản. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ phân tích ở trên, Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; bị cáo có bố đẻ được chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng huân chương quân kỳ quyết thắng, mẹ đẻ được chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba. Vì vậy ngoài các tình tiết giảm nhẹ chung đã được phân tích ở trên, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xét thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Đ4 cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

+ **Đối với bị cáo Hoàng Kim Đ2 và bị cáo Đào Trung T:** Các bị cáo có vai trò giúp sức cho bị cáo L và C trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã phân tích ở trên, bị cáo T và Được đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Đ2 tự nguyện ra đầu thú và có ông nội là người có công với cách mạng. Vì vậy, ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã phân tích ở trên, các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Đ2 và bị cáo T là phù hợp. Bị cáo Đ2 và T đều là người chưa thành niên, vì vậy mức hình phạt của bị cáo T và bị cáo Đ2 sẽ được áp dụng thấp hơn so với các bị cáo khác.

+ *Về hình phạt bổ sung:* Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Trường G, Đỗ Minh T5, Đỗ Hải Đ4 không có tài sản, nghề nghiệp gì, sống phụ thuộc gia đình vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Duy H, Nguyễn Văn H4, Đào Trung T, Hoàng Kim Đ2 là người chưa thành niên, căn cứ Khoản 6 Điều 91 Bộ luật hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Đối với hành vi của Nguyễn Quang L và Tống Đức C “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của cá nhân”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã đề nghị Công an huyện L, tỉnh Phú Thọ xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

- Đối với ông Lê Văn H10 và bà Đỗ Thị Hà T9 là chủ tiệm V3, khi mua nhẫn vàng, vòng ngọc, đồng tiền đô la Mỹ của G và Đ mang đến, không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có, việc ông H10 đồng tiền đô la là do sở thích cá nhân sưu tầm, không kinh doanh, mua, bán ngoại tệ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với bà Đào Bích H9 đã cho L mượn 01 xà beng, bà H9 không biết L đã sử dụng vật dụng trên để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[3] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự.

- Đối với các vật chứng gồm: 01 chiếc mũ cối ép màu xanh, loại mũ của dân quân tự vệ, mặt trong có viết chữ “TV” bằng mực bút xóa màu trắng; 01 con dao mảnh, chuôi gỗ, có tổng chiều dài 40 cm, đã qua sử dụng; 01 thanh kim loại sơn màu xanh dài 50cm, một đầu hình chữ C; 01 chiếc két sắt, nhãn hiệu Việt Pháp sản xuất năm 2014, kích thước 78 x 51 x 37 cm, phần cánh cửa bị cạy phá cong vênh. Két sắt đã hư hỏng; 01 chiếc xà cày bằng kim loại dài khoảng 80 cm, một đầu dẹt một đầu uốn con. Các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 tờ tiền đô la Mỹ có mệnh giá 100 USD có số seri HD 51695783B là tài sản hợp pháp của bà T8. Ngày 01/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho bà T8 là phù hợp cần xác nhận.

- Đối với số tiền ngân hàng N đang lưu hành: 23.500.000 đồng các bị cáo và gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại nhất trí không có ý kiến gì khác. Do vậy cần giao trả số tiền trên cho bà Triệu Thị T8 (bị hại).

- Đối với 01 chiếc xe Honda Wave, màu trắng, biển số 19B1 – 670.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị D, bà D không biết L sử dụng để đi thực hiện việc trộm cắp tài sản, xét trả lại cho bà Nguyễn Thị D là phù hợp.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, biển số 19E1-371.99 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là tài sản hợp pháp của bà Điều Thị Thu H7. Bà H7 không biết Đ4 sử dụng để đi thực hiện việc trộm cắp tài sản, xét trả lại cho bà Điều Thị Thu H7 là phù hợp.

- Xét thấy 02 xe mô tô Đỗ Minh T5, Đào Trung T làm phương tiện trộm cắp tài sản, bị cáo T5, Đ đã bán tại thành phố Hà Nội, 01 xe mô tô của Nguyễn Tiến Đ đã bán ở Vĩnh Phúc không thu giữ được. Vì vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Bà H9 tự nguyện cho L chiếc xà beng, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, vì vậy HĐXX không xem xét về trách nhiệm dân sự.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Điều luật áp dụng:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm 0 khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quang L.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trường G.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Minh T5

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy H.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự ; Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H4.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điều 50; Điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Tống Đức C.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điều 50; Điểm b, i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến Đ và bị cáo Đỗ Hải Đ4.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điều 50, điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91 và Điều 100 của Bộ luật Hình sự; Khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị cáo Hoàng Kim Đ2 và bị cáo Đào Trung T.

Căn cứ điểm a khoản 1, Khoản 2 Điều 47; Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Duy H, Đào Trung T, Nguyễn Trường G, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Văn H4, Đỗ Minh T5 và Hoàng Kim Đ2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt Nguyễn Quang L 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường G 07 (bảy) tháng tù; Tổng hợp với 22 (hai mươi hai) tháng tù cho hưởng án treo của bản án hình sự sơ thẩm số 04/HS-ST ngày 27/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao. Buộc bị cáo Nguyễn Trường G phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 29 (hai mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T5 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 05/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 05 (năm) tháng tù; Tổng hợp với 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo của bản án hình sự sơ thẩm số 289/HS-ST ngày 14/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông. Buộc bị cáo Nguyễn Duy H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 35 (ba mươi lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 03/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H4 04 (bốn tháng) 15 (mười lăm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2024. Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/12/2024. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo H4 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Xử phạt bị cáo Tống Đức C 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ 140 (một trăm bốn mươi) ngày tạm giam (từ ngày 03/8/2024 đến ngày 20/12/2024), quy đổi thành 420 (bốn trăm hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ (= 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ). Bị cáo Chung còn phải chấp hành 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Tống Đức C cho UBND thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Đ 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ 140 (một trăm bốn mươi) ngày tạm giam (từ ngày 03/8/2024 đến ngày 20/12/2024), quy đổi thành 420 (bốn trăm hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ (= 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ). Bị cáo Đ còn phải chấp hành 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến Đ cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hải Đ4 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ 139 (một trăm ba mươi chín) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 04/8/2024 đến ngày 20/12/2024), quy đổi thành 417 ngày cải tạo không giam giữ (= 13 (mười

ba) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo Đ4 còn phải chấp hành 01 (một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Hải Đ4 cho UBND phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Tống Đức C, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4.

Các bị cáo Tống Đức C, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ trong cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. (không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định đối người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Kim Đ2 13 (mười ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ nhưng được trừ 138 (một ba mươi tám) ngày tạm giam (từ ngày 05/8/2024 đến ngày 20/12/2024), quy đổi thành 414 (bốn trăm mười bốn) ngày cải tạo không giam giữ (= 13 (mười ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ). Xác nhận bị cáo Hoàng Kim Đ2 đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ vào ngày 20/12/2024.

- **Xử phạt bị cáo Đào Trung T 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ nhưng** được trừ 140 (một trăm bốn mươi) ngày tạm giam (từ ngày 03/8/2024 đến ngày 20/12/2024), quy đổi thành 420 ngày cải tạo không giam giữ (= 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ). Xác nhận bị cáo Đào Trung T đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ vào ngày 20/12/2024.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Tống Đức C, Nguyễn Tiến Đ, Đào Trung T, Hoàng Kim Đ2, Đỗ Hải Đ4 nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[3] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

[3.1]. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ cối ép màu xanh, loại mũ của dân quân tự vệ, mặt trong có viết chữ “TV” bằng mực bút xóa màu trắng; 01 con dao mảnh, chuôi gỗ, có tổng chiều dài 40 cm, đã qua sử dụng; 01 thanh kim loại sơn màu xanh dài

50cm, một đầu hình chữ C; 01 chiếc kết sắt, nhãn hiệu Việt Pháp sản xuất năm 2014, kích thước 78 x 51 x 37 cm, phần cánh cửa bị cạy phá cong vênh. Kết sắt đã hư hỏng; 01 chiếc xà cây (mỏ cày) bằng kim loại dài khoảng 80 cm, một đầu dẹt một đầu uốn cong.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị D 01 chiếc xe Honda Wave, màu trắng, biển số 19B1 – 670.63 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19B1-670.63 mang tên Lê Thu C2 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị D.

- Trả lại cho bà Điều Thị Thu H7 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, biển số 19E1-371.99 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19E1-371.99 mang tên Phạm Ngọc S1 là tài sản hợp pháp của bà Điều Thị Thu H7.

(Vật chứng có tình trạng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/10/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao)

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Triệu Thị T8 01 tờ tiền đô la Mỹ có mệnh giá 100 USD có số seri HD 51695783B theo biên bản giao trả tài sản ngày 01/9/2024 là hợp pháp.

[3.2] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Duy H (do ông Đào Văn Đ5 đại diện), Đào Trung T (do bà Nguyễn Thị T2 đại diện), Nguyễn Trường G, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Nguyễn Văn H4 (do ông Nguyễn Tiến V1 đại diện), Đỗ Minh T5 và Hoàng Kim Đ2 (do bà Lê Thị T7 đại diện) phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại là bà Triệu Thị T8 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Xác nhận các bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện nộp tiền 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại Cơ quan điều tra Công an huyện L để thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bà T8 (trong đó: Nguyễn Quang L nộp số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng chẵn), Nguyễn Trường G nộp số tiền: 6.000.000đ (sáu triệu đồng chẵn), Đỗ Minh T5 nộp số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn), Hoàng Kim Đ2 nộp số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn), Nguyễn Văn H4 nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn), Đỗ Hải Đ4 nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn), Nguyễn Tiến Đ nộp số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng chẵn), Đào Trung T nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn), Tống Đức C nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng chẵn), Nguyễn Duy H nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng chẵn)) *(theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/10/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao).*

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Quang L, Tống Đức C, Nguyễn Trường G, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Hải Đ4, Đỗ Minh T5, Nguyễn Duy H (do ông Đào Văn Đ5 đại diện), Đào Trung T (do bà Nguyễn Thị T2 đại diện), Nguyễn Văn H4 (do ông Nguyễn Văn V đại diện) và Hoàng Kim Đ2 (do bà Lê Thị T7 đại diện) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, Ông Đ5 (người đại diện hợp pháp cho bị cáo H), bà T2 (người đại diện hợp pháp cho bị cáo T), ông V (người đại diện hợp pháp cho bị cáo H4), bà T7 (người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đ2), bà S (người bào chữa cho bị cáo H4 và bị cáo T), bà H8 (người bào chữa cho bị cáo Đ2 và bị cáo H), những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại (bà T8), những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà H9, ông H10 và bà T9) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Công an huyện Lâm Thao;
- UBND phường Vân Phú;
- UBND TT Hùng Sơn;
- UBND xã Tân Phú
- Những người TGTT
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan